TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2021
"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- - - - - - - -
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Ksor Jưh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc
2. Ông Hồ Như Vương
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Minh Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai ghi biên bản.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2021, về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1979
Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm: 1981
Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2021, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh H quen biết và tìm hiểu nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2005 tại UBND xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian về chung sống, tôi và chồng tôi chung sống với nhau

được 16 năm tôi đã làm tròn bổn phận của một người vợ và người mẹ. Ngược lại chồng tôi suốt 16 năm luôn ngược đãi tôi, mỗi lần nhậu về lại tìm đủ lý do để đánh đập tôi, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, kéo dài và không hàn gắn được. Nay tình cảm giữa chị và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Trương Quốc Đ, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2006 và Trương Thị Mai L, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2008, chị Q yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Văn H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Tôi và cô Q quen biết và tìm hiểu nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2005 tại UBND xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình sống chung thì giữa 02 người cũng thường xuyên mâu thuẫn, to tiếng xô xát qua lại với nhau vì không có tiếng nói chung. Nay, nếu cô Q xin ly hôn thì tôi không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Trương Quốc Đ, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2006 và Trương Thị Mai L, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2008. Nguyện vọng của tôi là: Tòa án cứ ghi nhận nguyện vọng của con chung muốn sống với ai thì tôi cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 203, 205, 208, 209; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với chị anh Trương Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Q nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống Đ trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Trương Văn H, nhưng anh Trương Văn H vẫn không đến tham gia phiên tòa cho nên phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn; Nay Tòa án tiếp tục mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2005; quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Q và anh Trương Văn H là hợp pháp.

Quá trình chung sống của vợ chồng một thời gian có hạnh phúc. Trong thời gian về chung sống, chị Q và anh H chung sống với nhau được 16 năm, anh H suốt 16 năm luôn ngược đãi chị Q, đánh đập chị Q, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không Đ được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vậy xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn H là có căn cứ chấp nhận..

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Trương Quốc Đ, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2006 và Trương Thị Mai L, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2008. Hiện nay 02 cháu Trương Quốc Đ và Trương Thị Mai L được mẹ quan tâm nhiều hơn, đồng thời 02 cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị Q là có căn cứ, chấp nhận. Vậy cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Quốc Đ, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2006 và Trương Thị Mai L, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2008 cho đến khi đủ tuổi thành niên và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 170; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82,83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q,

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trương Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên là: Trương Quốc Đ, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2006 và Trương Thị Mai L, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị Q là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày tuyên án hôm nay (16/11/2021) cho đến khi các con thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có Q yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Trương Văn H có Q và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện Q này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001657 ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh Gia Lai. Chị Q đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/11/2021), nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yêt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. PT;
- Chi cục THADS (khi án có hiệu lực);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND xã NT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đã ký

Ksor Jưh